

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
QUYẾT THẮNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 838 /QĐ-UBND

Quyết Thắng, ngày 11 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư tại khu vực trung tâm
hành chính xã Phúc Hà (cũ)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUYẾT THẮNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 32/2026/TT-BXD ngày 22/6/2026 của Bộ trưởng Bộ xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 của Bộ trưởng Bộ xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về định mức xây dựng;

Căn cứ Thông báo số 45-TB/BNCTU ngày 29/4/2026 của Ban Nội chính Tỉnh ủy về Kết luận của đồng chí Trịnh Xuân Trường, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tại phiên tiếp công dân định kỳ tháng 4 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của UBND phường Quyết Thắng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư tại khu vực trung tâm hành chính xã Phúc Hà (cũ);

Theo Thông báo số 27/TB-KTHT&ĐT ngày 10/8/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Quyết Thắng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư tại khu vực trung tâm hành chính xã Phúc Hà (cũ) và Tờ trình số 129/TTr-BQLDA ngày 05/8/2026 của Ban Quản lý dự án phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư tại khu vực trung tâm hành chính xã Phúc Hà (cũ) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư tại khu vực trung tâm hành chính xã Phúc Hà (cũ).

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

Dự án nhóm C, Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế là 50 năm.

3. Mã định danh: Chưa có.

4. Địa điểm xây dựng dự án:

- Địa điểm: Tổ dân phố số 17, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên.

- Diện tích: 7 ha.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND phường Quyết Thắng.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án phường Quyết Thắng.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Thái Nguyên.

8. Mục tiêu dự án:

- Hoàn thiện hạ tầng cơ sở: Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật của phường Quyết Thắng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị nông thôn mới của địa phương.

- Thúc đẩy kinh tế - xã hội: Góp phần thúc đẩy giao thương, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trên địa bàn phường và các khu vực lân cận.

- Đảm bảo an sinh và an toàn: Tạo cảnh quan môi trường khang trang, sạch đẹp.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

Dự án đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên khu đất khoảng 7 ha bao gồm các hạng mục giao thông, vỉa hè, thoát nước, cấp điện, chiếu sáng và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác theo quy hoạch được duyệt, tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Giải pháp cụ thể như sau:

9.1. Thiết kế giao thông

a, Thiết kế trắc ngang:

- Thiết kế bề rộng đường trên cơ sở hiện trạng và phù hợp với mặt cắt ngang điển hình của các tuyến đường.

- Các yếu tố trên mặt cắt ngang được bố trí hài hoà, đảm bảo phù hợp với các công trình hai bên tuyến, thuận tiện cho việc bố trí các công trình trên tuyến.

Hệ thống đường giao thông gồm các mặt cắt như sau:

* Mặt cắt 1-1: Đường chính khu vực

- Quy mô bề rộng chỉ giới đường đỏ: 36,0m.

- Lòng đường: $7,5\text{m} \times 2 = 15,0\text{m}$.

- Vía hè: $4,5\text{m} \times 2 = 9,0\text{m}$.

- Dải Phân Cách: 12,0m

- Độ dốc ngang mặt đường: $i_n=2\%$.

- Độ dốc ngang vỉa hè: $i_h=1,5\%$.

* Mặt cắt 2-2: Đường nội bộ

- Quy mô bề rộng chỉ giới đường đỏ: 19,5m.

- Lòng đường: $5,25\text{m} \times 2 = 10,5\text{m}$.

- Vía hè: $4,5\text{m} \times 2 = 9,0\text{m}$.

- Độ dốc ngang mặt đường: $i_n=2\%$.

- Độ dốc ngang vỉa hè: $i_h=1,5\%$.

- Mặt cắt 4-4: Đường nội bộ

+ Quy mô bề rộng chỉ giới đường đỏ: 16,5m.

+ Lòng đường: $3,75\text{m} \times 2 = 7,5\text{m}$.

+ Vía hè: $4,5\text{m} \times 2 = 9,0\text{m}$.

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i_n=2\%$.

+ Độ dốc ngang vỉa hè: $i_h=1,5\%$.

- Mặt cắt 5-5: Đường nội bộ

+ Quy mô bề rộng chỉ giới đường đỏ: 11,5m.

+ Lòng đường: $2,75\text{m} \times 2 = 5,5\text{m}$.

+ Vía hè: $3,0\text{m} \times 2 = 6,0\text{m}$.

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i_n=2\%$.

+ Độ dốc ngang vỉa hè: $i_h=1,5\%$.

- Mặt cắt 6-6: Đường nội bộ

+ Quy mô bề rộng chỉ giới đường đỏ: 12,0m.

+ Lòng đường: $3,0\text{m} \times 2 = 6,0\text{m}$.

+ Vía hè: $3,0\text{m} \times 2 = 6,0\text{m}$.

+ Độ dốc ngang mặt đường: $i_n=2\%$.

+ Độ dốc ngang vỉa hè: $i_h=1,5\%$.

b, Thiết kế trắc dọc:

- Cao độ tìm đường được xác định theo cao độ mặt đường hiện trạng và khớp nối với các công trình hạ tầng đã được đầu tư xây dựng.

c, Kết cấu mặt đường:

* Kết cấu mặt đường BTN C16, KC1 (áp dụng cho tuyến N1).

+ Bê tông nhựa chặt 16 dày 7cm;

+ Tưới nhựa thấm bảm 1.0kg/m²;

+ Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm;

+ Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm;

+ Lớp nền đường cũ;

* Kết cấu mặt đường BTXM làm mới, KC2 (Áp dụng cho tuyến mới bổ sung).

+ BTXM M250 đá 2x4 dày 20cm;

+ Lớp nilon trống mất nước;

+ Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm;

+ Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm;

+ Lớp nền đường cũ;

* Kết cấu mặt đường BTXM trên nền cấp phối đá dăm cũ, KC3 (Áp dụng cho tuyến D1, D2, D3, D4, D7, N2, N29-N31).

+ BTXM M250 đá 2x4 dày 20cm;

+ Lớp nilon trống mất nước;

+ Cây xới lu lên lại móng đường cũ trung bình 25cm độ chặt K98.

* Kết cấu mặt đường vị trí vuốt nối dân sinh, KC4.

+ BTXM M250 đá 2x4 dày 20cm;

+ Lớp nilon trống mất nước;

+ Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm;

+ Lớp nền đường cũ;

Kết cấu vỉa hè, bó vỉa, tấm đan, hệ thống an toàn giao thông:

* Kết cấu lát hè:

+ Lát gạch terazzo KT (40x40x3)cm

+ VXM M75 dày 2cm

+ BTXM M150 đá 1x2 dày 7cm

+ Nền K95

* Bó vỉa vỉa hè:

+ Một số vị trí tuyến đã được đầu tư xây dựng bó vỉa hè, chỉ thiết kế bó vỉa tại vị trí tuyến mới bổ sung và thay thế một số vị trí bó vỉa đã bị hư hỏng.

+ Viên bó vỉa bằng BTXM M250, loại 1 KT (100x26x23)cm dùng trong đoạn thẳng, loại 2 KT (50x26x23)cm dùng trong đoạn cong.

+ Lớp VXM75, dày 2 cm.

+ BTXM M150 đá 1x2 lót móng dày 10cm.

* Bó vỉa phân cách:

+ Viên bó vỉa dải phân cách đã được đầu tư xây dựng, tận dụng bó vỉa phân cách cũ.

* Tấm đón nước:

+ Tấm đón nước bằng BTXM M250 lắp ghép, dưới là lớp đệm VXM M75 dày 2cm, móng BTXM M150 dày trung bình 10cm.

+ Kích thước KT(50x30x5)cm.

+ Độ dốc viên đón nước: 10%.

* Khóa vỉa hè: Xây gạch VXM M75, kích thước (11x22)cm.

* An toàn giao thông: Hệ thống vạch sơn, biển báo được thiết kế tuân thủ theo QCVN 41:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ, đảm bảo an toàn cho các phương tiện tham gia giao thông khi công trình đưa vào sử dụng.

9.2. Thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa đã được đầu tư hiện trạng, và bổ sung một số đoạn tuyến với kết cấu Rãnh B600 được thiết kế móng lót đá dăm dày 10cm, bản đáy đổ bê tông M200 dày 15cm, tường xây gạch không nung M75, trát VXM M75. Tấm đan, mũ mố đổ bê tông cốt thép M250.

9.3. Thoát nước thải

- Hướng dốc các tuyến được bám sát theo hướng dốc của đường và hướng dốc san nền.

- Ống cống dùng cống tròn D300 và cống D400. Ống cống sử dụng cống BTCT đúc sẵn M300 bằng công nghệ Rung - ép. Cống chịu tải trọng HL93, chiều dài 01 ống cống L= 2,5m. Cống được nối theo phương pháp nối đỉnh. Đế cống sử dụng là BTCT đúc sẵn M200.

- Hố ga thiết kế ở giữa chia lô 2 nhà, giao nhau giữa các tuyến cống, vị trí cống chuyển hướng và 2 đầu cống qua đường bố trí hố ga. Hố ga xây gạch, móng hố ga lót bằng đá dăm đệm dày 10cm, trên lớp đá dăm là lớp bê tông đáy ga dày 15cm. Thành hố ga xây gạch không nung VXM M75 dày 22cm, trát VXM M75 dày 1,5cm. Mũ mố đổ BTCT đá 1x2 M250. Tấm đan hố ga sử dụng BTCT đá 1x2 M250.

9.4. Cấp nước

- Điểm đầu nối cấp nguồn tại Tuyến ống D225 HDPE nằm dưới vỉa hè đường ĐT.270.

- Thiết kế các tuyến ống phân phối chính D110 thành 1 vòng khép kín.

- Các tuyến ống dịch vụ D63, D50 là mạng cụt, chủ yếu lấy nước từ các tuyến phân phối chính và nhánh, được xây dựng dọc theo các tuyến đường vào công trình tại khu vực xây dựng mới để cấp nước cho các công trình tiêu thụ.

- Đường ống dẫn và mạng lưới phải đặt độ dốc về phía van xả cạn. Độ sâu đặt ống $\leq 0.7\text{m}$ từ mặt đất đến đỉnh ống với các loại đường ống có tiết diện $\leq 300\text{mm}$, và $\leq 0.5\text{m}$ đối với loại có tiết diện $\leq 90\text{mm}$.

- Những đoạn ống qua đường được đặt trong ống lồng D200 và D150m bằng ống thép đen. Chiều sâu chôn ống $H_{tb} = 1,05\text{m}$.

9.5. Cấp điện, chiếu sáng

* Xây dựng đường dây 35kV:

- Xây dựng đường cáp ngầm 35kV. Tổng chiều dài tuyến khoảng 0,2km.

- Dây dẫn: cáp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 20/35(40,5)kV-3x70 mm²;

Trạm biến áp

- Tổng số: 01 trạm biến áp (công suất 750kVA-35/0,4kV).

* Đường dây 0,4kV:

Xây dựng đường cáp ngầm 0,4kV, tổng chiều dài tuyến khoảng 2,44km.

- Cáp ngầm CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0,6/1kV.

- Tủ điện phân phối chứa công tơ: 29 cái;

* Hệ thống chiếu sáng:

Xây dựng hệ thống cáp ngầm chiếu sáng, tổng chiều dài tuyến khoảng 1,89km;

- Cột thép cao 8m + đèn LED 100W;

- Cáp ngầm CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0,6/1kV;

* Di chuyển đường điện 0,4kV:

- Giai đoạn 1: Di chuyển tạm thời để thi công hạ tầng dự án:

+ Tháo dỡ, di chuyển lắp đặt lại toàn bộ đường dây 0,4kV hiện trạng;

+ Chiều dài tuyến di chuyển: khoảng 1,02km;

+ Kiểu đường dây: đi nổi;

- Giai đoạn 2 (sau khi thi công hoàn thành dự án):

+ Tháo dỡ thu hồi toàn bộ đường dây đi nổi hiện trạng;

+ Lắp đặt mới tuyến đường dây đi nổi cho trạm Y tế;

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- Số bước thiết kế: 02 bước

- Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

STT	TÊN QUY CHUẨN	MÃ HIỆU
I	QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	QCVN 01:2021/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới cao độ	QCVN 11:2008/BTNMT
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/TT-BXD

STT	TÊN QUY CHUẨN	MÃ HIỆU
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng	QCVN 03:2022/BXD
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
6	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình	QCVN 06:2022/BXD
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2023/BXD
8	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông.	QCVN 7:2019/BKHCN
9	Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt	QCVN 14:2008/BTNMT
10	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
11	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn	QCVN 26:2010/BTNMT
12	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung	QCVN 27:2010/BTNMT
13	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với một số chất hữu cơ	QCVN 19:2009/BTNMT
14	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ	QCVN 20:2009/BTNMT
15	Và một số quy chuẩn hiện hành khác	
II	KHẢO SÁT	
1	Hướng dẫn lập đề cương khảo sát thiết kế xây dựng	14 TCN 145-2005
2	Công tác trắc địa trong công trình xây dựng – Yêu cầu chung	TCXDVN 309:2004
3	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCXDVN 364:2006
4	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:5000	96TCN 43-90
5	Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh	22TCN 317-04
6	Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
7	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
III	KẾT CẤU BTCT, KẾT CẤU THÉP	
1	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:2023
2	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018

STT	TÊN QUY CHUẨN	MÃ HIỆU
3	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575:2024
4	Cốt liệu cho bê tông và vữa- Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
5	Thiết kế công trình chịu động đất	TCVN 9386:2013
6	Nền, nhà và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9632:2012
IV	ĐƯỜNG GIAO THÔNG	
1	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô	TCVN 4054- 2005
2	Đường đô thị - yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
3	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
4	Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
V	CẤP NƯỚC	
1	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước ngầm	TCVN 5944-1995
2	Chất lượng nước - Tiêu chuẩn nước mặt	TCVN 5942-2000
3	Cấp nước mạng lưới đường ống và công trình	TCVN 13606:2023
4	Nước cấp sinh hoạt - Yêu cầu chất lượng	TCVN 5502 - 2003
5	Ống và phụ kiện làm bằng nhựa PVC	TCVN 6151 - 2002
VI	THOÁT NƯỚC	
1	Thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 7957-2023
2	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113-2012
VII	HỆ THỐNG ĐIỆN	
1	Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9206:2012
2	Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9207:2012
3	Lắp đặt cáp và dây dẫn trong các công trình công nghiệp	TCVN 9208:2012
4	Chống sét cho công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống	TCVN 9385:2012
5	Quy phạm trang bị điện theo Quyết định số 19/2006-QĐ-BCN ngày 11/7/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc ban hành quy phạm trang bị điện	11TCN 18-2006, 11TCN 19-2006, 11TCN 20-2006, 11TCN 21-2006
6	Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện	NĐ14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014
7	Quy định về kỹ thuật điện	QCVN: 2015/BCT của Bộ Công thương

STT	TÊN QUY CHUẨN	MÃ HIỆU
8	Quyết định về việc ban hành tạm thời Bộ tiêu chuẩn kỹ thuật lựa chọn thiết bị thống nhất trong Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	318/QĐ-EVN ngày 05/5/2017 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc
9	Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị	TCVN 5574:2012
10	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng	TCVN 13608:2023
11	Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống	TCVN 9385:2012
VIII	PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	
1	Phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế	TCVN 2622: 1995
2	Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng	TCVN 3890: 2023
3	Hệ thống báo cháy tự động - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 5738-2021
4	Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt – Yêu cầu thiết kế và lắp đặt	TCVN 7336:2021
5	Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống	TCVN 9385: 2012

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

- Giá trị tổng mức đầu tư dự án: 51.398.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	40.129.975.460	đồng
+ Chi phí thiết bị:	1.694.885.112	đồng
+ Chi phí quản lý dự án:	875.660.490	đồng
+ Chi phí lập đề xuất chủ trương :	48.668.929	đồng
+ Chi phí tư vấn ĐTXD:	2.479.630.244	đồng
+ Chi phí khác:	1.232.951.331	đồng
+ Chi phí dự phòng:	4.936.228.434	đồng

12. Thời gian thực hiện dự án: 2026-2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Ngân sách phường và các nguồn vốn hợp pháp khác.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

15. Phương án phân chia gói thầu; dự toán gói thầu EPC, EC, EP (trường hợp có đề xuất phân chia gói thầu): Không

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án phường tổ chức thực hiện các bước theo đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Giám đốc Ban Quản lý dự án phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND phường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Nam